

CÂN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

BALANCE OF PAYMENT

I. KHÁI NIỆM

- Giáo trình (2002):
- PLNH 2005:
- **CCTTQT** là bảng cân đối giữa các khoản thu và các khoản chi bằng một đồng tiền nào đó giữa người cư trú và người phi cư trú trong một thời hạn nhất định.

Những điểm cần chú ý:

- Kỳ lập BP:
- Người cư trú và người phi cư trú (khoản 2, điều 4 của PLNH2005)
- Khoản chi và khoản thu
- Đồng tiền sử dụng ghi chép trong BP

II. Phân loại

- CCTT trong **một thời kỳ** nhất định

Đặc điểm:

Phản ánh những khoản **đã** thu và **đã** chi của người cư trú đối với người phi cư trú \Leftrightarrow việc thu và chi là dứt điểm

- CCTT tại **một thời điểm** nhất định

Phản ánh những khoản thu và chi đã và sẽ diễn ra vào một thời điểm nào đó \Leftrightarrow việc thu và chi là chưa dứt điểm.

III. Nội dung chủ yếu của BP

1. Current Account Balance

- 1.1 Trade Balance (Exports of goods – Imports of goods)
- 1.2 Services Balance (Receipts – Payments)
- 1.3 Incomes (Receipts – Payments)
- 1.4 Current Transfers (Receipts – Payments)

2. Capital Account Balance

- 2.1 Balance on long-term capital account
- 2.2 Balance on short-term capital account

3. Statistical Error and Omission (Discrepancy)

4. Reserve Assets

1. Hạng mục thường xuyên/ Cán cân tài khoản vãng lai

- Phản ánh các khoản thu/chi làm tăng/giảm tài sản tài chính về quyền sở hữu của một nước với một nước khác.
- Đây là hạng mục quan trọng, phản ánh thực chất của cán cân thanh toán quốc tế.

**1.
CÁN CÂN
TÀI KHOẢN
VĨNG LẠI**

**CÁN CÂN
THƯƠNG MẠI**

TRADE BALANCE

**CÁN CÂN
DỊCH VỤ**

**SERVICE
BALANCE**

**CÁN CÂN
THU NHẬP
YẾU TỐ**

FACTOR INCOME

**CHUYỂN GIAO
MỘT CHIỀU**

**UNILATERAL
TRANSFERS**

1.1. TRADE BALANCE

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI

- ❖ Ghi chép hoạt động XNK hàng hóa
- ❖ Chiếm tỷ trọng chủ yếu
- ❖ $XK > NK$: CCTM thặng dư
- ❖ $NK > XK$: CCTM thiếu hụt

1.2. SERVICE BALANCE

CÁN CÂN DỊCH VỤ

- ❖ Ghi chép hoạt động thương mại dịch vụ
- ❖ Các nước pt thường thặng dư CCDV.
- ❖ $XK > NK$: CCDV thặng dư
- ❖ $NK > XK$: CCDV thiếu hụt

1.3. FACTOR INCOME

CÁN CÂN THU NHẬP

- ❖ Thu nhập của người lao động/từ đầu tư:
- ❖ Yếu tố ảnh hưởng:
Số lượng lđ, mức lương, số tiền đầu tư, mức lãi.

1.4. UNILATERAL TRANSFERS

CHUYỂN GIAO MỘT CHIỀU

- ❖ Các khoản thu chi một chiều: viện trợ, quà biếu, kiều hối...

2. Hạng mục vốn/ CCTK vốn

- Phản ánh các khoản thu/thu làm tăng/giảm tài sản tài chính về quyền sử dụng của nước này với nước khác
- Bao gồm: CC vốn dài hạn/CC vốn ngắn hạn
- Rất quan trọng đối với những nước có CC vãng lai thâm hụt.

3. Hạng mục chênh lệch

- Sai sót do thống kê/ghi chép.
- Một số âm thể hiện một lượng vốn ra/
Một số dương phản ánh một luồng vốn
chảy vào

4. Hạng mục dự trữ chính thức

- Phản ánh mức độ thay đổi về lượng vàng/ngoại tệ/tài sản dự trữ mà các tổ chức tiền tệ nắm giữ.
 - Thay đổi dự trữ ngoại hối của một nước
 - Tín dụng với IMF và các NHTW khác
- Mức thay đổi nguồn dự trữ chính thức đo lường mức thâm hụt hoặc thặng dư của một nước về các giao dịch của TK thường xuyên và TK vốn

CCTM	CCVL	CC cơ bản	CC t.thể
XK- NK	=> CCTM		Cán cân cơ bản
	+ CC DV	Cán cân vãng lai	
	+ CC TN		
	+ CG1 chiều		
		+ CC vốn dài hạn	
			CC vốn ngắn hạn
			Chênh lệch

Cách công bố CCTTQT

- CCTT tổng thể dư thừa hay thiếu hụt.
- CCTT vãng lai dư thừa/thiếu hụt
- CC vốn thâm hụt không đáng lo ngại, phải xét đến CC vãng lai.
- CC vốn = công cụ bành trướng thế lực kinh tế.

	CC vãng lai	CC Vốn	CC Tổng thể
Mỹ	-	-	-
Nhật	+	-	-

IV. Ghi chép CCTTQT

- Xác định người cư trú và phi cư trú
- Cách lấy số liệu
- Đồng tiền ghi chép
- Nguyên tắc ghi chép
 - Nguyên tắc 1: Bên Có (tăng cung ngoại tệ)
Bên Nợ (làm tăng cầu ngoại tệ)
 - Nguyên tắc 2: Bút toán kép

Nguyên tắc 1

- Ghi có: những khoản thu từ người phi cư trú (XKHH-DV, thu hút DL trong nước, nhận quà, đi vay NN, FDI, ĐT gián tiếp..) <=> những giao dịch làm phát sinh cung ngoại tệ
- Ghi nợ: khoản chi cho người phi cư trú (NKHH-DV, đi DLNN, biếu quà, cho NN vay, ĐT ra NN...) <=> những giao dịch làm phát sinh cầu ngoại tệ

Nguyên tắc 2: Bút toán kép (Double entry)

- Các giao dịch đều được ghi bằng 2 bút toán có giá trị tuyệt đối bằng nhau, ngược dấu.
- Bút toán kép cũng là nguyên tắc căn bản trong hạch toán kế toán nói chung.
- BP ghi chép các luồng tiền: thu (+) và chi (-) \Leftrightarrow nghĩa là: khoản thu (+) bao giờ cũng có bút toán đối ứng ghi (-) và ngược lại.

Các giao dịch đặc trưng:

1. Trao đổi HH/DV để lấy HH/DV
2. Trao đổi HH/DV để lấy TS tài chính
3. Trao đổi TS tài chính này lấy TS TC khác
4. Chuyển giao một chiều

TH1: Trao đổi HH/DV để lấy HH/DV

- VN XK gạo sang Mỹ trị giá 100 triệu USD và NK từ Mỹ máy tính trị giá 100 triệu USD.

BP của Việt Nam	BP của Mỹ
Tài khoản vãng lai (tr.USD) XK HH (gạo): + 100 NK HH (máy tính): -100	Tài khoản vãng lai (tr.USD) NK hàng hóa (gạo): -100 XK HH (máy tính): +100

TH2: Trao đổi HH/DV lấy TS tài chính

- VN XK gạo sang Mỹ trị giá 100 triệu USD, thanh toán bằng cách ghi Có vào TK tiền gửi của VN tại NH Mỹ.

BP của Việt Nam	BP của Mỹ
TK vãng lai (tr.USD): XK HH (gạo): + 100 Tài khoản vốn: Tiền gửi ở nước ngoài ⇔ luồng vốn chảy ra: -100	TK vãng lai (tr.USD) NK hàng hóa (gạo): -100 Tài khoản vốn: Tiền gửi NN tại nước mình ⇔ vốn chảy vào: +100

TH3. Trao đổi TSTC này lấy TSTC khác

- Bộ TC VN mua 100 triệu USD tr.phiếu kho bạc Mỹ, th.toán: ghi nợ TK tiền gửi và ghi có vào TK trái phiếu của Bộ TC tại kho bạc Mỹ.

BP của Việt Nam	BP của Mỹ
Tài khoản vốn (tr.USD)	Tài khoản vốn (tr.USD)
Vốn ngắn hạn chảy ra: -100	Vốn ngắn hạn chảy vào: +100
Vốn ngắn hạn chảy vào: +100	Vốn ngắn hạn chảy ra: -100

TH4.Chuyển giao (hàng hóa) một chiều

Chính phủ Mỹ tặng cho VN hàng hóa trị giá 100 triệu USD để trợ giúp đồng bào bão lụt.

BP của Việt Nam	BP của Mỹ
TK vãng lai (tr.USD) NK hàng hóa: -100 Thu chuyển giao một chiều:+100	TK vãng lai (tr.USD) XK hàng hóa: +100 Chi chuyển giao một chiều: -100

TH4. Chuyển giao (TS tài chính) 1 chiều

Chính phủ Mỹ tặng cho VN 100 triệu USD bằng cách ghi Có vào TK của Bộ TC VN tại Mỹ.

BP của Việt Nam	BP của Mỹ
TK vãng lai (tr.USD) Thu chuyển giao một chiều: +100 TK vốn: Tiền gửi ở NN: - 100	TK vãng lai (tr.USD) Chi chuyển giao một chiều: +100 TK vốn: Tiền gửi của NN: +100

V. Thặng dư và thâm hụt BP

- Xét về tổng thể CCTTQT luôn cân bằng
- Thặng dư/thâm hụt khi xét đến các CCTT bộ phận: CC thương mại, CC dịch vụ, CCTK vãng lai, CCTK vốn, CC cơ bản,...

VI. Các phương pháp điều chỉnh

- Theo lý thuyết: sẽ điều chỉnh CCTTQT **không ở trạng thái cân bằng** (nghĩa là CC vốn và CC vãng lai **có tổng $\neq 0$**).
- Tuy nhiên, trên thực tế, người ta chỉ điều chỉnh CCTTQT trong trường hợp bị thiếu hụt mà thôi.

VI. Các phương pháp điều chỉnh

- 1. Biện pháp vay nợ (vay dự trữ) làm tăng tài khoản dự trữ chính thức để cân bằng CCTTQT.
- 2. Áp dụng các chính sách và biện pháp tác động lên cung cầu ngoại hối (như chính sách chiết khấu cao, thu hồi vốn ĐT ở nước ngoài, bán rẻ các CK nước ngoài, phá giá tiền tệ để kích thích xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư vào nước mình...)
- 3. Xuất ngoại hối (vàng để trả nợ)
- 4. Tuyên bố vỡ nợ.

VI. Mối quan hệ: BOP & nền kinh tế

- Tình trạng dư thừa hay thiếu hụt của BOP tại một thời điểm nhất định sẽ ảnh hưởng đến quan hệ cung cầu ngoại hối trên thị trường, do đó ảnh hưởng ngay đến tình hình biến động của tỷ giá hối đoái của nước đó
 - Dư thừa cán cân thanh toán sẽ dẫn đến sự ổn định hoặc giảm tỷ giá hối đoái
 - Thiếu hụt cán cân thanh toán sẽ làm cho tỷ giá hối đoái mất tính ổn định và tăng lên.

IV. Mối quan hệ: BOP & nền kinh tế

- $Y = C + I + G + X - M$
- $Y_d = C + I + G + X - M - T$
- $S = Y_d - C$
- $(X - M) = (S - I) + (T - G)$